

Bản án số: 239/2022/HC-PT

Ngày 29/9/2022

V/v “*Kiến quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông Lê Phước Thanh

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Cường

Ông Mai Xuân Thành

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Đoàn Thị Thu Hiền**, thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà **Bùi Ngô Ý nhi**, Kiểm sát viên.

Vào ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 142/2022/TLPT-HC ngày 26 tháng 7 năm 2022 về việc “*Kiến quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 34/2022/HC-ST ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1. Ông Vũ Quốc T; địa chỉ: Thôn 5, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk- Có mặt.
2. Bà Phạm Thị T1; địa chỉ: Thôn 4, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk- Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Trần Minh L và ông Trần Minh T2; cùng địa chỉ: Thôn 4, xã E1, huyện C, tỉnh Đắk Lắk- Ông T2 có mặt. Ông L vắng mặt.

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Trung tâm hành chính huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn N - Phó Chủ tịch- Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Vũ Văn D; địa chỉ: Thôn 4, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk- Xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Người khởi kiện

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện Ông Vũ Quốc T và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Trần Minh L, ông Trần Minh T2 trình bày:

Vào ngày 24/03/1990, vợ chồng ông Vũ Quốc T và bà Phạm Thị T1 có trao đổi đất với ông Vũ Nhiệm H1, thường trú tại thôn 4, xã E 01 lô đất thuộc thôn 5, xã E là lô đất mà ông Vũ Quốc T đã có đơn khiếu nại. Việc trao đổi đất giữa hai bên được lập thành giấy viết tay “*Biên bản bàn giao nhà thổ đất giữa hai gia đình*”, được UBND xã E, huyện B xác nhận vào ngày 24/03/1990; Vị trí, diện tích, kích thước thửa đất ông Vũ Quốc T không nhớ chính xác nhưng cơ bản như sau:

Phía Đông giáp đất ông Đỗ Công Q. Cạnh dài khoảng 57 mét;

Phía Tây giáp Nghĩa địa xã. Cạnh dài khoảng 57 mét;

Phía Nam giáp Tỉnh lộ 1. Cạnh dài khoảng 30 mét;

Phía Bắc giáp Trạm xá xã E cũ. Cạnh dài khoảng 30 mét.

Tổng diện tích khoảng 1.710 m².

Sau khi đổi đất cho ông H1, vợ chồng ông Vũ Quốc T có tiến hành dựng nhà gỗ trên diện tích đất để ở. Khoảng năm 1993, ông Vũ Quốc T và bà Phạm Thị T1 (*tại thời điểm này ông Vũ Quốc T và bà Phạm Thị T1 chưa ly hôn*) có bán căn nhà trên đất cho ông Vũ Văn D1 và cho vợ con chuyển đến nhà ông Vũ Văn Th tại thôn 4, xã E để ở. Ông Vũ Quốc T và bà Phạm Thị T1 khẳng định chỉ bán nhà, chứ không bán đất cho ông Vũ Văn D.

Từ năm 1996, ông Vũ Quốc T do nhiều lần phải chấp hành án phạt tù về tội danh đánh bạc và thường xuyên không có mặt ở địa phương, đến năm 2017 ông Vũ Quốc T có đơn khiếu nại liên quan đến việc công trình Trạm y tế và Bưu điện văn hóa xã E nhưng chưa thu hồi, bồi thường, hỗ trợ theo quy định gửi UBND xã E để được giải quyết. UBND xã E đã tiến hành mời hộ gia đình làm việc, xác minh và lập biên bản làm việc, tuy nhiên hiện nay ông không lưu giữ các Biên bản làm việc này.

Tiếp theo đó, ông Vũ Quốc T nhiều lần có đơn gửi đến UBND tỉnh Đắk Lắk để được xem xét giải quyết, UBND tỉnh Đắk Lắk đã ban hành 03 văn bản giao cho UBND huyện B giải quyết. Ông Vũ Quốc T khẳng định tại khu vực đất thôn 5, xã E chỉ có duy nhất diện tích đất đã trao đổi với ông Vũ Nhiệm H1 (*có xác nhận của UBND xã E vào ngày 24/3/1990*).

Sau nhiều lần yêu cầu giải quyết khiếu nại nhưng không được cấp thẩm quyền giải quyết, vào ngày 02/02/2021, ông Vũ Quốc T làm Hợp đồng ủy quyền cho ông Trần Minh L để thay mặt ông T tiếp xúc, làm việc với các cơ quan thẩm quyền liên quan để giải quyết khiếu nại đòi đất.

Đến ngày 12/11/2021, Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 6795/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Quốc T. Quyết định này bác toàn bộ nội dung khiếu nại của ông Vũ Quốc T với lý do đất này ông T, bà T1 đã bán cho ông Vũ Văn D vào năm 1994.

Tuy nhiên, phía UBND huyện B không hề đưa ra được bất cứ chứng cứ nào theo quy định của pháp luật để chứng minh việc ông T, bà T1 đã bán đất này cho ông Vũ Văn D từ năm 1994, mà chỉ dựa vào lời khai một chiều của ông Vũ

Văn D để làm căn cứ bác nội dung khiếu nại đòi đất của vợ chồng ông T, bà T1 là không đúng với quy định của Pháp luật.

Vì vậy, ông T, bà T1 có đơn khởi kiện đến TAND tỉnh Đắk Lắk để yêu cầu Hủy bỏ Quyết định số 6795/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Quốc T vì quyết định hành chính này trái pháp luật, xâm phạm rất nghiêm trọng đến quyền về tài sản của công dân.

Tại bản tự khai ông Lê Văn N - Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND huyện B trình bày:

Ủy ban nhân dân huyện B nhận được đơn khiếu nại của ông Vũ Quốc T, địa chỉ thường trú tại thôn 5, xã E, huyện B về việc công trình Trạm y tế và Bưu điện văn hoá xã E xây dựng trên diện tích đất của hộ gia đình ông T nhưng chưa thu hồi, bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

Ngày 25/3/2021 UBND huyện ban hành Thông báo số 47/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại của ông Vũ Quốc T (*lần đầu*) và ban hành Quyết định số 1153/QĐ-UBND về việc thành lập đoàn giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại của ông Vũ Quốc T.

Sau khi nghiên cứu các hồ sơ liên quan, căn cứ kết quả xác minh của đoàn xác minh số 1153, Chủ tịch UBND huyện B đã tiến hành tổ chức Đối thoại giải quyết khiếu nại ngày 07/10/2021 tại Trụ sở tiếp công dân huyện B theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/11/2021 Chủ tịch UBND huyện B đã ban hành Quyết định số 6795/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Quốc T, địa chỉ thường trú tại thôn 5, xã E, huyện B (*lần đầu*), cụ thể:

về nguồn gốc sử dụng đất và quá trình chuyển nhượng đối với diện tích đất theo nội dung đơn khiếu nại của ông Vũ Quốc T không đủ cơ sở để giải quyết, với các lý do sau:

- Theo Giấy trao đổi đất giữa ông Vũ Quốc T với ông Vũ Nhiệm H1 và 01 hồ sơ Vi bằng về việc xác nhận việc trao đổi đất giữa ông Vũ Quốc T và ông H1 năm 1990 là có thật đối với diện tích đất tại thôn 5, xã E và ông Vũ Quốc T cam kết chỉ có duy nhất 01 lô đất hiện nay đã xây dựng công trình Trạm y tế và Bưu điện văn hoá E.

- Theo lời khai của ông Vũ Quốc T thì ông Vũ Quốc T và bà Phạm Thị T1 có thực hiện giao dịch dân sự với ông Vũ Văn D tại thời điểm năm 1994 liên quan đến diện tích đất trên, ông Vũ Quốc T cho rằng chỉ bán nhà trên đất, không bán đất. Tuy nhiên, ông Vũ Văn D khẳng định giữa ông T, bà T1 với ông D có thực hiện giao dịch dân sự đó là việc mua bán đất đai (*hai bên thỏa thuận bằng miệng*), theo đó ông T, bà T1 chuyển nhượng toàn bộ đất và tài sản trên đất cho ông D và ông D đã ở trên diện tích đất nhận chuyển nhượng cho đến thời điểm xây dựng công trình Trạm Y tế xã và Bưu điện văn hoá xã E. về giá chuyển

nhượng tài sản thời điểm năm 1994 tại khu vực thôn 5, xã E với giá trị 6,5 chỉ vàng là rất cao.

- Theo kết quả xác minh, từ thời điểm xây dựng công trình tháng 4/1999 đến tháng 01/2000, ông Vũ Quốc T có chấp hành án phạt (*từ ngày 03/3/1999 đến ngày 30/4/2000*), ngoài thời gian chấp hành án ông Vũ Quốc T vẫn có mặt tại địa phương, nên phải biết được việc xây dựng công trình mở rộng Trạm y tế và Bưu điện văn hoá xã E nhưng không có đơn khiếu nại gì đến cơ quan có thẩm quyền. Ngoài ra, từ trước đến nay bà Phạm Thị T1 vẫn thường trú tại thôn 4, xã E cũng không có ý kiến kiến nghị, khiếu nại gì.

- Căn cứ lời khai của ông Vũ Văn D, các nhân chứng liên quan xác định ông Vũ Văn D có nhận chuyển nhượng đất từ ông Vũ Quốc T, bà Phạm Thị T1. Ông Vũ Văn D có sử dụng ổn định từ năm 1994 đến thời điểm quy hoạch mở rộng công trình Trạm y tế và ông Vũ Quốc T, bà Phạm Thị T1 không có ý kiến gì.

- Tại thời điểm UBND xã E thông báo thu hồi đối với diện tích đất ông Vũ Quốc T có đơn khiếu nại thì ông Vũ Văn D là người trực tiếp quản lý, sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất nêu trên. Hơn nữa, ông D khẳng định diện tích đất này là của ông Vũ Văn D (*nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông Vũ Quốc T và bà Phạm Thị T1*).

- Căn cứ Điều 27 Luật đất đai năm 1993 quy định “*Trong trường hợp thật cần thiết, Nhà nước thu hồi đất đang sử dụng của người sử dụng đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng thì người bị thu hồi đất được đền bù thiệt hại*” tại thời điểm xây dựng công trình năm 1999 diện tích đất này chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do đó việc UBND xã E thông báo cho người quản lý, sử dụng đất trực tiếp là ông Vũ Văn D để thu hồi xây dựng công trình mở rộng Trạm y tế xã E là phù hợp.

- Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 11 Luật khiếu nại năm 2011: “*Quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại không liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khiếu nại*” Do đó, việc UBND huyện không lập thủ tục thu hồi đất tại công trình mở rộng, xây dựng Trạm y tế và Bưu điện văn hoá xã E đối với ông Vũ Quốc T, bà Phạm Thị T1 là đúng quy định của pháp luật.

Từ các lập luận trên: Bác bỏ nội dung đơn của ông Vũ Quốc T khiếu nại về việc công trình Trạm y tế và Bưu điện văn hoá xã E xây dựng trên diện tích đất của gia đình nhưng chưa thu hồi, bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình theo quy định. Vì tại thời điểm thu hồi đất đối với diện tích đất mà ông Vũ Quốc T đang có đơn khiếu nại, ông Vũ Văn D là người trực tiếp quản lý, sử dụng hợp pháp, nên không có cơ sở để xem xét giải quyết nội dung khiếu nại của ông Vũ Quốc T. Việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Quốc T của UBND huyện là đảm bảo quy định của pháp luật.

Ý kiến của UBND huyện B đối với yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Quốc T và bà Phạm Thị T1:

UBND huyện B giữ nguyên quan điểm tại “*Quyết định số 6795/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Quốc T*”.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn D trình bày:

Tôi là cháu họ của ông Vũ Quốc T và bà Phạm Thị T1. Năm 1997 tôi từ Thái Bình vào Đắk Lắk lập nghiệp, vì cần nhà để ở nên tôi có nhận chuyển nhượng của ông T, bà T1 diện tích đất 30m x 60m, loại đất nông nghiệp, trên đất có 01 căn nhà gỗ bà gian với giá là 6,5 chỉ vàng 97%, khi nhận chuyển nhượng chúng tôi chỉ thỏa thuận miệng với nhau, không lập giấy tờ gì. Tôi đã trả đủ tiền cho ông T, bà T1 và ông T, bà T1 cũng đã giao đất cho tôi. Sau khi nhận chuyển nhượng, tôi chuyển đến ở được 02 năm thì Ủy ban nhân dân xã E thông báo thu hồi nên tôi đã bán nhà và bàn giao đất cho Ủy ban nhân dân xã E. Mục đích tôi nhận chuyển nhượng lô đất trên của ông T, bà T1 là để ở lâu dài. Tuy nhiên Ủy ban xã E ra thông báo thu hồi nên tôi đã bán căn nhà gỗ và trả đất lại cho ủy ban xã E để xây công trình công ích của xã và chuyển về gần đó sinh sống ổn định từ đó đến nay.

Ngoài lô đất trên tôi không còn nhận chuyển nhượng của ông T, bà T1 lô đất nào khác. Trong 02 năm quản lý sử dụng, diện tích đất trên nhà nước không thông báo nộp thuế nên tôi không đóng thuế. Sau khi tôi nhận được thông báo thu hồi đất mới biết ông T, bà T1 lừa bán đất đã quy hoạch cho tôi, thời điểm đó đất không có giá trị nên tôi không quan tâm đến việc bồi thường và cũng không yêu cầu bồi thường.

Nay ông T, bà T1 khởi kiện để giải quyết khiếu nại trong việc quản lý đất đai tôi không liên quan nên không có ý kiến gì. Do ở xa, công việc bận rộn nên tôi không tham gia giải quyết được, tôi xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc và xét xử của Tòa.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 34/2022/HC-ST ngày 13/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính;

Áp dụng Điều 27 Luật đất đai năm 1993; Khoản 2 Điều 11 Luật khiếu nại năm 2011; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Quốc T và bà Phạm Thị T1 về yêu cầu: Hủy bỏ Quyết định số 6795/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Quốc T.

Ngoài ra, Bản án còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20 tháng 6 năm 2022, ông Vũ Quốc T, bà Phạm Thị T1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; yêu cầu chấp nhận đơn khởi kiện và hủy Quyết định số 6795/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Quốc T.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay ông Vũ Quốc T, bà Phạm Thị T1 giữ nguyên đơn kháng cáo.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng:Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và hội đồng xét xử chấp hành đúng các quy định của Luật Tổ tụng hành chính, các đương sự thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình.Về nội dung vụ án, đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Quốc T, bà Phạm Thị T1.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến trình bày của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Diện tích đất ông Vũ Quốc T, bà Phạm Thị T1 khiếu nại và khởi kiện có nguồn gốc do ông T và bà T1 đổi đất với ông Vũ Nhiệm H1 theo giấy viết tay: “*Biên bản bàn giao nhà thổ đất giữa hai gia đình*”, được UBND xã E xác nhận ngày 24/3/1990 và hồ sơ vi bằng xác nhận việc trao đổi đất.

Sau khi trao đổi đất, ông Vũ Quốc T và bà Phạm Thị T1 tiến hành xây dựng một căn nhà gỗ trên đất để ở; đến năm 1993, vợ chồng ông T, bà T1 bán căn nhà gỗ này cho ông Vũ Văn D (*cháu họ*) và gia đình ông T, bà T1 chuyển đến nhà ông Vũ Văn Th để ở.

[2] Ông Vũ Quốc T và bà Phạm Thị T1 cho rằng việc vợ chồng ông bán nhà cho ông D vào năm 1993 chỉ là bán nhà, không bán đất. Cho nên, việc chính quyền địa phương xây dựng công trình Trạm y tế và Bưu điện văn hóa xã E trên diện tích đất của hộ gia đình ông nhưng chưa thu hồi, bồi thường và hỗ trợ là không đúng quy định của pháp luật.

HDXX cấp phúc thẩm thấy rằng:

[2.1] Theo lời khai của ông Đỗ Công Q1 và lời khai của ông Vũ Nhiệm H1 thể hiện ông Q1 cùng ông H1 mua chung một lô đất của một người có tên là Ngọc; sau khi mua ông Q1 với ông H1 chia đôi lô đất này mỗi người được 1/2 diện tích (*mỗi người 9m mặt giáp tỉnh lộ 1*) và sau đó ông H1 đổi lô đất này cho ông Vũ Quốc T theo: “*Biên bản bàn giao nhà thổ đất giữa hai gia đình*”. Tuy

nhiên, theo lời khai của ông Đỗ Công Q1 thì diện tích đất mà ông Vũ Nhiệm H1 đổi cho ông Vũ Quốc T theo giấy viết tay: “*Biên bản bàn giao nhà thổ đất giữa hai gia đình*” đã được ông T, bà T1 chuyển nhượng lại cho ông Q1 với giá 200.000 đồng nay ông Q1 đã được cấp GCNQSD đất; đối với phần diện tích đất ông T, bà T1 xây dựng nhà gỗ bán lại cho ông D có nguồn gốc là của bà Nh sử dụng, sau đó bà Nh bỏ đi khỏi địa phương. Bên cạnh đó, diện tích đất có căn nhà gỗ đã bán cho ông D không ai đăng ký, kê khai và nộp thuế theo quy định của pháp luật. Do đó, không đủ cơ sở xác định phần diện tích đất mà ông T, bà T1 xây dựng nhà gỗ có nguồn gốc của ông Vũ Nhiệm H1.

[2.2] Theo các lời khai của ông Vũ Văn D, ông D đều cho rằng ông T, bà T1 đã chuyển nhượng cho ông D toàn bộ nhà gỗ và diện tích đất của ông T, bà T1 và sau khi nhận chuyển nhượng, gia đình ông D ở và sử dụng đất chuyển nhượng cho đến khi UBND xã E thu hồi để xây dựng công trình Trạm y tế và Bưu điện văn hóa xã E thì ông tự nguyện giao đất. Lời khai của ông Vũ Văn D phù hợp với lời khai của ông T, bà T1 là sau khi bán căn nhà gỗ cho ông D thì gia đình ông T, bà T1 chuyển đi nơi khác để sinh sống, không tiếp tục quản lý, sử dụng đất như ông T và phù hợp với lời khai xác nhận của ông Đỗ Tiến Vụ (*nguyên Bí thư Đảng ủy xã E thời điểm năm 1997*) và ông Y Văn Minh Niê (*nguyên cán bộ địa chính xã E thời điểm năm 1997*) tại biên bản làm việc ngày 05/12/2020 về thời điểm xây dựng điểm Bưu điện văn hóa xã, trên đất có một căn nhà bằng gỗ và người đang trực tiếp quản lý, sử dụng là ông Vũ Văn D nên không có cơ sở xác định ông T, bà T1 chỉ bán căn nhà gỗ cho ông D mà không chuyển nhượng đất như ông T đã khai nại và cũng không có việc ông T: *tháo dỡ bán căn nhà gỗ ... chỉ còn lại đất trống* như ông T trình bày tại đơn khiếu nại ngày 23/12/2019. Mặt khác, thời điểm ông T, bà T1 bán căn nhà gỗ cho ông D (1993) là thời điểm Luật đất đai năm 1987 đang còn hiệu lực nên theo quy định tại Điều 53 của Luật đất đai năm 1987 xác định hành vi mua, bán đất đai là hành vi bị cấm và theo quy định tại Điều 17 của Luật đất đai năm 1987; Điều 10 Nghị định số 30-HĐBT ngày 23 tháng 3 năm 1989 của Hội đồng bộ trưởng; Điều 31 Pháp lệnh nhà ở năm 1991 thì người mua nhà ở của người khác được xem xét giao đất, được quyền sử dụng đất. Do đó, ông Vũ Quốc T và bà Phạm Thị T1 cho rằng việc vợ chồng ông bán nhà cho ông D vào năm 1993 chỉ là bán nhà, không bán đất là không có căn cứ và không đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Quốc T và bà Phạm Thị T1 là đúng quy định của pháp luật.

[3] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Vũ Quốc T và bà Phạm Thị T1.

[4] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Vũ Quốc T và bà Phạm Thị T1 phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Vũ Quốc T và bà Phạm Thị T1; giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

Áp dụng Điều 27 Luật đất đai năm 1993; Khoản 2 Điều 11 Luật khiếu nại năm 2011; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Quốc T và bà Phạm Thị T1 về yêu cầu: Hủy bỏ Quyết định số 6795/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Quốc T.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Vũ Quốc T và bà Phạm Thị T1 phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm; được trừ vào số tiền ông T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 020567 ngày 29/6/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THA Dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Phước Thanh